

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

NGUYỄN ĐỨC LÂM

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ
AN NINH NĂNG LƯỢNG ĐIỆN TẠI VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 9340410.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Hà Nội - 2020

**LUẬN ÁN ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI:
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**Người hướng dẫn khoa học : 1 PGS.TS. Lê Quốc Hội
2 TS. Lưu Quốc Đạt**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án Tiến sĩ họp tại:
Trường Đại học Kinh tế, Đại Học Quốc Gia Hà Nội

Vào hồi ... giờ, ngày tháng năm 2020

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của nghiên cứu

Hiện nay, nhu cầu về đảm bảo an ninh năng lượng điện (ANNLĐ) nhằm mục tiêu tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững, bên cạnh sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vừa mang đến cơ hội phát triển cho các quốc gia, bên cạnh đó cũng tạo ra nhiều thách thức cho nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam chúng ta.

Trong công tác đảm bảo ANNLĐ tại Việt Nam, Nhà nước đóng vai trò là chủ thể quản lý, bao gồm: (1) chiến lược, chính sách và kế hoạch của nhà nước nhằm đảm bảo an ninh năng lượng điện, (2) tổ chức thực thi các kế hoạch và chính sách về ANNLĐ và (3) kiểm tra, đánh giá hiệu quả công tác quản lý của nhà nước nhằm đảm bảo an ninh năng lượng điện.

Từ thực tế triển khai công tác đảm bảo ANNLĐ tại nước ta trong thời gian vừa qua có thể thấy việc Nhà nước đã tạo lập được môi trường cho việc đảm bảo ANNLĐ, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong thời đại công nghiệp 4.0 của ANNLĐ. Công tác QLNN về ANNLĐ hiện nay vẫn cần phải hoàn thiện một số vấn đề như: các định hướng đảm bảo ANNLĐ chưa gắn liền với các định hướng phát triển của đất nước; pháp luật về ANNLĐ chưa điều chỉnh hết các vấn đề phát sinh trong quá trình đảm bảo ANNLĐ; sự phối hợp giữa các đơn vị cơ quan quản lý nhà nước (QLNN) trong việc đảm bảo ANNLĐ chưa thực sự hiệu quả; nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu đảm bảo ANNLĐ; công tác kiểm tra giám sát ANNLĐ chưa được thực hiện hiệu quả.

Bên cạnh đó, tác động của biến đổi khí hậu và cuộc khủng hoảng năng lượng trong khu vực và thế giới đã gây ra những thách thức to lớn cho việc thực hiện các chức năng QLNN về ANNLĐ tại Việt Nam.

Căn cứ vào các yêu cầu trên, thời gian tới công tác QLNN về đảm bảo ANNLĐ cần được tiếp tục hoàn thiện cả về mặt lý luận và thực tiễn triển khai công tác. Muốn đạt được các mục tiêu đó, công tác QLNN về ANNLĐ cần phải được củng cố về mặt lý luận như: chức năng, nội dung, bộ máy quản lý cũng như các công cụ mà Nhà nước sử dụng trong công tác đảm bảo ANNLĐ. Ngoài ra để đưa ra giải pháp cụ thể và triệt để những hạn chế trong công tác đảm bảo ANNLĐ ở Việt Nam hiện nay thì công tác QLNN về ANNLĐ cần được đánh giá một cách tổng thể nhằm tìm ra những hạn chế và nguyên nhân.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu của luận án

Mục đích nghiên cứu của luận án nhằm làm rõ những lí luận về QLNN đối với ANNLĐ, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN về ANNLĐ ở Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

- Hệ thống hóa và làm rõ thực trạng quản lý nhà nước (QLNN) về ANNLĐ tại Việt Nam.
- Xác định được các tiêu chí đánh giá công tác QLNN về ANNLĐ tại Việt Nam.
- Đề xuất được một số khuyến nghị nhằm góp phần hoàn thiện công tác QLNN về ANNLĐ tại Việt Nam.

2.3. Câu hỏi nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu đề ra, luận án đi tới trả lời các câu hỏi nghiên cứu chính sau:

- Quản lý nhà nước về ANNLĐ gồm những nội dung gì?
- Thực trạng hoạt động QLNN về ANNLĐ tại Việt Nam là như thế nào?
- Có những tiêu chí nào đánh giá công tác QLNN về ANNLĐ tại Việt Nam?
- Các giải pháp gì để góp phần hoàn thiện công tác QLNN về ANNLĐ tại Việt Nam?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là vấn đề QLNN về ANNLĐ

Phạm vi nghiên cứu: Cơ quan trung ương quản lý ANNLĐ

Phạm vi thời gian: luận án giới hạn trong khoảng thời gian 2015-2020

Phạm vi nội dung: luận án giới hạn nội dung QLNN về ANNLĐ trên các phương diện: xây dựng chiến lược quốc gia về ANNLĐ, lập kế hoạch QLNN về ANNLĐ, triển khai thực hiện QLNN về ANNLĐ, kiểm tra - giám sát hoạt động QLNN về ANNLĐ.

4. Đóng góp của nghiên cứu

Về mặt lý luận:

• Để thực hiện chức năng QLNN về ANNLĐ trong bối cảnh nhu cầu tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững, cùng sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; luận án đề xuất coi khái niệm về ANNLĐ theo nghĩa rộng và liên ngành, với quan điểm này ANNLĐ được hiểu là việc hoạt động cung ứng và tiêu dùng năng lượng điện đạt trạng thái an toàn và không có uy hiếp nào đến toàn bộ quá trình vận hành ngành điện quốc gia.

• Nghiên cứu kinh nghiệm ở một số nước trên thế giới liên quan tới QLNN về ANNLĐ và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam; luận án đã nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hoạt động QLNN về ANNLĐ trên cơ sở vận dụng phương pháp Delphi.

Các tiêu chí này được sử dụng để đánh giá một cách toàn diện tất cả các nội dung QLNN về ANNLĐ theo các nhóm tiêu chí chính: chiến lược, chính sách, thực hiện và quản lý.

Về mặt thực tiễn:

- Luận án phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động QLNN về ANNLĐ tại Việt Nam giai đoạn 2015-2020, phân tích và đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân trong công tác QLNN về ANNLĐ;
- Xây dựng mô hình và đánh giá các tiêu chí QLNN về ANNLĐ tại Việt Nam;
- Đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác QLNN về ANNLĐ tại Việt Nam.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ ÁN

1.1. Các công trình nghiên cứu nước ngoài

1.1.1. An ninh năng lượng

Nhận biết được tầm quan trọng của ANNL, đã có nhiều nghiên cứu trên thế giới xem xét các khía cạnh và nội dung khác nhau của ANNL, trong đó phải kể đến các nghiên cứu sau: Lucas (2004) đã nghiên cứu về việc đảm bảo ANNL của Canada, tiếp cận dựa trên sự điều tiết của thị trường năng; Cheng (2008) đã xem xét cách thức Trung Quốc nhận thức các vấn đề ANNL; Hedenus và các cộng sự (2010) nghiên cứu về các chính sách đảm bảo ANNL của EU 25 - chi phí dự kiến của sự khủng hoảng nguồn cung cấp dầu; Coq và Paltseva (2009) đánh giá mức độ đảm bảo nguồn cung năng lượng như một phần trong việc đảm bảo ANNL của các nước khối Châu Âu; Sovacool (2011) đã đánh giá ANNL của các nước Châu Á - Thái Bình Dương; Zhao và các cộng sự (2012) đã đưa ra bình luận tổng quan về các nhân tố ảnh hưởng đến ngành sản xuất năng lượng gió tại Trung Quốc; Mansson (2014) đã tổng quan các phương pháp định lượng để đánh giá ANNL.

1.1.2. An ninh năng lượng điện

An ninh điện có thể được đặc trưng chủ yếu thông qua an ninh vận hành, tính linh hoạt và tính thỏa đáng, với sự tham khảo đặc biệt đến những thách thức và hạn chế của chuỗi giá trị điện bên trong. An ninh điện đề cập đến khả năng của hệ thống năng lượng để tránh việc gián đoạn dịch vụ bao gồm giá năng lượng tăng mạnh, cắt giảm chất lượng năng lượng và sự gián đoạn nguồn cung (Grubb, Butler, & Twomey, 2006; JRC, 2016). Những nguyên nhân hoặc mối đe dọa tiềm tàng của những việc này có thể được phân loại thành 4 loại (Bompard, Huang, Wu, & Cremenescu, 2013).

An ninh năng lượng điện cũng có thể được mô tả chủ yếu dưới dạng mạnh mẽ và khả năng phục hồi trong trường hợp áp lực xuất phát bên ngoài hệ thống điện. Zhao và các cộng sự (2012) đã đưa ra bình luận tổng quan về các nhân tố ảnh hưởng đến ngành sản xuất năng lượng điện gió tại Trung Quốc.

Sự quan tâm đến an ninh năng lượng dựa trên khái niệm nguồn cung năng lượng không bị gián đoạn rất quan trọng đối với hoạt động của một nền kinh tế. Tuy nhiên, định nghĩa chính xác về an ninh năng lượng (hoặc đảm bảo nguồn cung đồng nghĩa của nó an ninh nguồn cung (ANNC) khó đưa ra vì nó có ý nghĩa khác nhau đối với những người khác nhau tại các thời điểm khác nhau (Alhajji, 2007).

An ninh điện cũng được định nghĩa là những hoạt động liên quan đến khả năng của hệ thống điện để tránh sự cố và sự gián đoạn trong việc cung cấp điện, trong đó bao gồm tăng giá năng lượng mạnh, giảm chất lượng cung cấp điện năng (ví dụ: giảm hiệu suất cung cấp điện) và sự gián đoạn đột ngột của nguồn cung (mất điện) (Grubb, Butler, & Twomey, 2006; JRC, 2016).

1.1.3. Quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện

Chính sách năng lượng tái tạo của chính phủ Đức đặt ra các mục tiêu tham vọng trung hạn và dài hạn về giảm mức tiêu thụ năng lượng 20% vào năm 2020 so với mức tiêu thụ thiết yếu năm 2008 và ít nhất 50% vào năm 2050; tỷ lệ năng lượng tái tạo chiếm 18% mức tiêu thụ năng lượng vào năm 2020 và ít nhất 80% điện năng tiêu thụ trong năm 2050; tiết kiệm hơn 20% năng lượng các hoạt động làm ấm, sưởi vào năm 2020, giảm 80% tiêu thụ năng lượng sơ cấp đến năm 2050, xây dựng tòa nhà thân thiện với khí hậu và tăng gấp đôi tốc độ hiện đại hóa năng lượng lên 2% mỗi năm; tăng sản xuất năng lượng bình quân 2,1% tới năm 2050 (Martin, 2010).

Đầu tư kịp thời và phù hợp dựa vào phát triển cơ sở hạ tầng ngành điện là yếu tố chính cho lý do tại sao Hoa Kỳ có nguồn cung ứng điện đáng tin cậy trong công tác đảm bảo an ninh năng lượng điện quốc gia. Tập đoàn điện Bắc Mỹ (NERC) tuyên bố rằng mức dự trữ vượt mức ở mức cao nhất của Hoa Kỳ trong điều kiện bình thường ở mức cao hơn khoảng 29% nhu cầu cao điểm, và trong trường hợp xấu nhất vẫn còn khá cao khoảng 15% (NERC, 2017). Một yếu tố quan trọng khác là giá điện công nghiệp thấp, đã tăng mạnh kể từ năm 2003. Chẳng hạn, trong những năm gần đây, giá điện công nghiệp ở Mỹ nằm trong số 10% thấp nhất thế giới (IEA, 2017).

1.2. Các công trình nghiên cứu trong nước

1.2.1. An ninh năng lượng

Trong bối cảnh nhu cầu tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững, cùng sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, ANNL cũng như nhiều vấn đề an ninh phi truyền thống khác đang nổi lên như những vấn đề toàn cầu hết sức bức thiết. Trước hết, ANNL là tiền đề để phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Đó là vì sự đảm bảo về năng lượng sẽ giúp cho mọi hoạt động của quốc gia ổn định và phát triển. Nhờ có năng lượng mà cuộc sống con người ngày càng được nâng cao với ngày càng nhiều tiện nghi phục vụ cuộc sống như điều hoà, tivi, tủ lạnh, xe máy, v.v... Do vậy, an ninh con người sẽ bị đe dọa nghiêm trọng một khi năng lượng không còn. (Hoàng Minh Hằng, 2007).

Bên cạnh đó, ANNL có vai trò quyết định đối với an ninh của mỗi cá nhân con người. Nhờ có năng lượng mà cuộc sống con người ngày càng được nâng cao với ngày càng nhiều tiện nghi phục vụ cuộc sống như điều hoà, tivi, tủ lạnh, xe máy, v.v... Do vậy, an ninh con người sẽ bị đe dọa nghiêm trọng một khi năng lượng không còn. (Hoàng Minh Hằng, 2007).

Hoàng Minh Hằng (2007) đã nghiên cứu các vấn đề, thực trạng ANNL ở Đông Á và đưa ra giải pháp. Hiện nay, ANNL ở Đông Á đang phải đối mặt với nguy cơ của sự cạn kiệt các nguồn năng lượng truyền thống do tốc độ khai thác quá nhanh mà nguồn tài nguyên thì có hạn. Bên cạnh đó, mức tiêu thụ năng lượng của các quốc gia trong khu vực ngày càng gia tăng rõ rệt.

Hiện nay, có một số vấn đề đặt ra đối với ANNL ở Đông Á đó là nguồn năng lượng truyền thống phục vụ sản xuất điện cạn kiệt; mức độ tiêu thụ năng lượng của các quốc gia trong khu vực ngày càng tăng; sự bất ổn ở Trung Đông và vấn đề an toàn vận chuyển trên biển. Do vậy, sự cạn kiệt của nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn nguyên liệu hóa thạch như than đá, dầu mỏ có sự ảnh hưởng quan trọng đến ANNL nói chung và ANNL nói riêng tại Việt Nam. Mặt khác, yếu tố chính trị được đề cập đến như những bất ổn trong khu vực, cũng như trên toàn thế giới có mối liên hệ tương đối với ANNL, Hoàng Minh Hằng (2007).

Nguyễn Văn Hương (2014) đã làm rõ nội hàm của khái niệm ANNL, theo đó ANNL được hiểu là “sự bảo đảm đầy đủ năng lượng dưới nhiều dạng khác nhau, sạch và rẻ”.

1.2.2. An ninh năng lượng điện

Một trong những mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia là vấn đề an ninh trong cung cấp điện, an ninh năng lượng trong hệ thống điện. Việt Nam tuy mới là quốc gia có nền kinh tế đang phát triển và mới đạt được mức độ thu nhập trung bình, nhưng với sức rướn của một đất

nước giàu truyền thống và con người thông minh cần cù, dự báo đất nước ta sẽ tiếp tục phát triển nhanh trong những thập kỷ tới. Cung cầu năng lượng nói chung và cung cầu điện nói riêng ở nước ta đang có những vấn đề bức xúc đặt ra. Xem xét nghiên cứu một cách nghiêm túc và sâu sắc về các giải pháp ANNL trong hệ thống điện (HTĐ) là vấn đề không chỉ của Nhà nước, Chính phủ mà là trách nhiệm của mỗi người chúng ta. (Nguyễn Anh Tuấn, 2014)

Cũng theo Nguyễn Anh Tuấn (2017), Tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng điện được đánh giá là giải pháp luôn được ưu tiên vì là giải pháp đòi hỏi đầu tư thấp hơn nhiều so với các giải pháp khác. Nhiều nội dung vận động mọi người có ý thức tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng đang được triển khai mạnh mẽ trong một chương trình mục tiêu quốc gia. Các cuộc vận động người dân với khẩu hiệu: “Tắt bớt đèn khi không cần thiết và trước khi ra khỏi phòng”; “đặt máy điều hoà ở mức 27 độ -:-28 độ C”; khuyến khích người tiêu dùng “Thay bóng đèn sợi đốt bằng đèn huỳnh quang và đèn compact”; chương trình “Tiến hành dán nhãn các thiết bị điện tiết kiệm năng lượng và khuyến khích người dân sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng”; thực hiện công tác kiểm toán năng lượng để các hộ công nghiệp và thương mại có các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả nhất... Theo đánh giá, thực hiện tốt “Chương trình mục tiêu quốc gia về tiết kiệm và hiệu quả năng lượng” có thể giảm được nhu cầu tiêu thụ năng lượng cuối cùng tới trên dưới 10% trong vòng 5 năm tới.

1.2.3. Quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện

Nguyễn Anh Tuấn (2017), trong thời gian qua, chính phủ đã thực hiện một số chính sách về điện nhằm mục đích phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, hỗ trợ người nghèo, người thu nhập thấp, nhà nước đã cố gắng giữ giá điện ở mức khá thấp so với các nước trong khu vực.

Theo Bùi Xuân Hồi (2018) cho rằng, để đáp ứng lượng cầu về điện tăng nhanh từ sau giai đoạn “Đổi mới”, Quy hoạch điện VII cho giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn 2030 đã đặt ra những tham vọng lớn về các nguồn năng lượng tái tạo và đặc biệt là năng lượng nguyên tử.

1.3. Nhận xét từ tổng quan các công trình nghiên cứu

Như chúng ta đã biết, ANNLĐ đóng một vai trò quan trọng trong xã hội hiện đại do điện đóng một vai trò kép trong nền kinh tế hiện đại, nó vừa là đầu vào vừa là đầu ra của quá trình sản xuất của nền kinh tế, liên quan đến mọi ngóc ngách của đời sống tinh thần của con người. Do đó, việc đảm bảo ANNLĐ là một chính sách rất quan trọng đối với các nền kinh tế, mục tiêu của công tác đảm bảo nguồn cung điện sẽ đảm bảo được mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của quốc gia.

Cho đến nay, chưa có nhiều nghiên cứu được xây dựng để đánh giá an ninh năng lượng điện có thể được áp dụng cho tất cả các quốc gia. Do đó, mục tiêu của luận án này là phát triển một bộ chỉ số có thể đánh giá hoạt động QLNN về ANNLĐ của một quốc gia mà không bị giới hạn bởi nguồn lực tài nguyên, phát triển kinh tế, khu vực địa lý, văn hóa xã hội hoặc mật độ dân cư. Nghiên cứu sẽ xác định một số các tiêu chí và chỉ số nhất định nhằm đại diện cho công tác QLNN về an ninh năng lượng điện. Sau đó, một chỉ số tổng hợp sẽ được phát triển bằng cách tổng hợp các chỉ số và tham khảo các nghiên cứu của các quốc gia khác cho phép xếp hạng chúng dựa trên tầm quan trọng của các chỉ số. Để kiểm chứng bộ chỉ số, luận án đã sử dụng dữ liệu của một số quốc gia trên thế giới. Tính hợp lệ của chỉ số được đánh giá bằng các kết quả, theo thứ tự các quốc gia một cách hợp lý và cũng nắm bắt các biến cố trong quá khứ đã ảnh hưởng đến các ngành điện tương ứng của họ. Lý do cho sự hoạt động yếu kém của ngành điện và các chính sách khắc phục những vấn đề đó cho ngành điện bền vững cũng được xác định.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN NINH NĂNG LƯỢNG ĐIỆN

2.1. Khái niệm an ninh năng lượng điện

Khái niệm an ninh năng lượng điện theo quan điểm ứng phó

An ninh điện có thể được định nghĩa là khả năng của hệ thống điện có thể ứng phó với các tình huống xấu - tức là các tình huống hoặc sự cố tạo ra các ảnh hưởng trực tiếp tới hệ thống cung cấp điện - hoặc các sự cố - tức là sự cố hỏng hóc hoặc mất điện của hệ thống cung ứng điện - với sự gián đoạn dịch vụ tối thiểu có thể chấp nhận được.

Khái niệm an ninh năng lượng điện theo quan điểm quản lý

An ninh năng lượng điện là yếu tố quan trọng đối với các xã hội và nền kinh tế hiện đại. Các công nghệ kỹ thuật số, cơ sở hạ tầng truyền thông và hoạt động công nghiệp đều phụ thuộc vào một nguồn cung điện đáng tin cậy và hiệu quả. Khi các quốc gia chuyển sang các nguồn điện ít carbon hơn, các nhà sản xuất phải đối mặt với một số thách thức đang diễn ra, vì năng lượng tái tạo thường đòi hỏi mức độ linh hoạt cao hơn từ mạng lưới để bù đắp cho sự gián đoạn của họ. Do đó, các chính phủ ngày càng lo ngại về khả năng đáp ứng của thị trường điện hiện tại và khung pháp lý để tiếp tục quản lý một nguồn điện đáng tin cậy, giá cả phải chăng và hiệu quả.

2.2. Quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện

2.2.1. Khái niệm quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện

Quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện là quá trình nhà nước sử dụng các công cụ quản lý của mình để tác động lên quá trình sản xuất và cung ứng năng lượng điện nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng nhanh và bền vững của nền kinh tế. Nhà nước sử dụng các biện pháp kinh tế và pháp lý với việc ban hành các đạo luật liên quan đến ANNLĐ, các quy phạm pháp luật thuế, giá điện, chế tài dân sự, hành chính cũng như tăng cường áp dụng các biện pháp hình sự đối với các vi phạm pháp luật về ANNLĐ.

Công cụ kinh tế sẽ tạo điều kiện cho các cơ quan QLNN về ANNLĐ chủ động lập kế hoạch phát triển ngành điện, khuyến khích việc đổi mới hoạt động sản xuất kinh doanh điện. Các giải pháp kinh tế có vai trò điều chỉnh kinh tế vĩ mô theo hướng tích cực, có tác dụng buộc đối tượng tham gia công tác đảm bảo ANNLĐ phải thực hiện các mục tiêu về phát triển bền vững bằng các phương tiện, chi phí hiệu quả nhất; kích thích sự phát triển công nghệ mới và tăng cường sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, khuyến khích công tác nghiên cứu và phát triển các công nghệ sản xuất điện mới.

2.2.2. Chức năng quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện

Chức năng định hướng cho sự phát triển của ANNLĐ: chức năng, nhiệm vụ của nhà nước là xác định tầm nhìn chiến lược (xây dựng và thực hiện được chiến lược, tạo dựng môi trường và điều kiện cho phát triển ngành điện, ở đây chính là việc đảm bảo điều kiện cho ngành điện phát triển một cách bền vững), dự báo, chia sẻ và hướng dẫn trong phát triển, tiết kiệm và mang tinh thần kinh doanh trong quản lý phát triển, v.v.).

Chức năng tạo lập môi trường cho sự phát triển của ANNLĐ: nhà nước xây dựng và vận hành các thể chế chính sách định hướng, hỗ trợ phát triển, phát huy mọi cơ hội, sáng kiến và nguồn lực, nuôi dưỡng mọi động lực phát triển xã hội, nhất là kinh tế vì lợi ích chung của quốc gia, dân tộc và cuộc sống của mọi người dân; nhà nước dự báo, chia sẻ và hướng dẫn để đảm bảo an ninh điện.

Chức năng điều tiết các hoạt động ANNLĐ: Nhà nước thực hiện chức năng quản lý ANNLĐ theo nguyên tắc chỉ làm những công việc xã hội, thị trường không làm; tập trung làm tốt công việc quản lý nhà nước về ANNLĐ, giải quyết những vấn đề an ninh nguồn điện then chốt, có ý nghĩa quyết định đối với việc đảm bảo ANNLĐ của nền kinh tế đất nước.

Chức năng kiểm soát hoạt động ANNLĐ: nhà nước theo dõi việc thực hiện kế

hoạch và dự án đầu tư phát triển nguồn điện, lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối để bảo đảm phát triển phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực đã được duyệt; xác định tỷ lệ công suất và tỷ lệ điện năng giữa hình thức mua bán thông qua hợp đồng có thời hạn và mua bán giao ngay phù hợp với các cấp độ của thị trường điện lực; kiểm tra việc thực hiện biểu giá điện đã được phê duyệt; giải quyết khiếu nại và tranh chấp trên thị trường điện lực.

2.2.3. Nội dung của quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch đảm bảo an ninh năng lượng điện, gồm: chiến lược đảm bảo an ninh năng lượng điện, kế hoạch đảm bảo an ninh năng lượng điện
- Xây dựng chính sách an ninh năng lượng điện: chính sách ANNLD là một hệ thống các quy định, công cụ và biện pháp thích hợp mà Nhà nước áp dụng để điều chỉnh các hoạt động sản xuất và kinh doanh điện ở những thời kỳ nhất định nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra trong chiến lược đảm bảo an ninh năng lượng điện.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch và chính sách đảm bảo an ninh năng lượng điện: sau khi có các pháp luật và chính sách về an ninh năng lượng điện, đây là giai đoạn triển khai các kế hoạch và chính sách nhằm đảm bảo an ninh năng lượng điện. Giai đoạn này bao gồm các công việc: sản xuất, kinh doanh, tái đầu tư, vận hành hệ thống cung cấp điện cho cả nước.
- Kiểm tra, giám sát an ninh năng lượng điện: kiểm soát hoạt động đảm bảo ANNLD là tổng thể những hoạt động của cơ quan QLNN nhằm kịp thời phát hiện và xử lý những sai sót, ách tắc, đổ vỡ, những khó khăn, vướng mắc cũng như những cơ hội phát triển ngành điện nhằm đảm bảo cho hoạt động của ngành điện tuân theo đúng các định hướng, mục tiêu phát triển năng lượng điện đã đề ra.

2.2.4. Bộ máy quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện

Là hệ thống các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, được tổ chức theo nguyên tắc thống nhất tạo thành một chỉnh thể đồng bộ để thực hiện chức năng nhiệm vụ nhằm đảm bảo ANNLD cho quốc gia.

QLNN về ANNLD được quản lý và triển khai chủ yếu ở 2 cấp độ là cấp trung ương và cấp địa phương:

- ✓ Ở cấp trung ương, cơ quan quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện chính là quốc hội, chính phủ, bộ công thương.
- ✓ Ở cấp địa phương: UBND các cấp sẽ thực hiện công tác QLNN về ANNLD trong phạm vi địa lý của mình theo sự phân cấp của chính phủ

2.3. Kinh nghiệm quản lý nhà nước đối về an ninh năng lượng điện trên thế giới

2.3.1. Xây dựng chiến lược đảm bảo an ninh năng lượng điện

Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Đức: Hiện nước Đức đang có nhiều nỗ lực để trở thành cường quốc công nghiệp đầu tiên trên thế giới sử dụng 100% “năng lượng xanh” tái tạo và hướng tới “mục tiêu xanh” vào năm 2050. Bộ Môi trường Đức mới đây đã công bố Bản lộ trình phác thảo tiến trình thực hiện các kế hoạch hướng tới một nền kinh tế sử dụng hoàn toàn năng lượng tái tạo.

Chiến lược đầu tư ngành điện của Hoa Kỳ: đầu tư kịp thời và phù hợp đưa vào phát triển cơ sở hạ tầng điện là yếu tố chính cho lý do tại sao Hoa Kỳ có nguồn cung cấp điện đáng tin cậy trong công tác đảm bảo an ninh năng lượng điện quốc gia.

Chiến lược tái cấu trúc ngành điện của Hàn Quốc: Sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997, chính phủ Hàn Quốc đã bắt đầu lên kế hoạch tư nhân hóa lĩnh vực điện, và việc đầu tiên là tách Tập đoàn điện lực Hàn Quốc thành 6 công ty con vào năm 2000. Đây là bước đầu tiên của quá trình tái cơ cấu ngành điện, ngoài ra cũng trong năm này, sàn giao dịch điện Hàn Quốc - Korea Power Exchange (KPX) cũng được đưa vào hoạt động.

2.3.2. Xây dựng chính sách pháp luật về việc đảm bảo an ninh năng lượng điện

Chính sách thuế năng lượng của Đức: thâm hụt ngân sách của Đức ngày càng tăng cũng tác động đáng kể tới sự thay đổi quan điểm của các nhà hoạt động chính trị ở Đức, đặc biệt là những người đã từng phản bác thuế môi trường. Do vậy, việc tăng nguồn thu từ chính sách thuế năng lượng vô hình trung đã có những bước thuận lợi đáng kể từ những lý do và lợi ích của cải cách thuế mang lại, đặc biệt là sự gia tăng chi phí năng lượng.

Chính sách điện quốc gia của Ấn độ: chính sách điện quốc gia Ấn độ (2005) và chính sách đầu tư nhằm tăng công suất của ngành điện trên quy mô lớn là nguyên nhân chính góp phần đảm bảo an ninh năng lượng điện ở Ấn Độ.

Chính sách phát triển năng lượng tái tạo của Trung Quốc: nhằm mục tiêu dẫn đầu về lĩnh vực phát triển năng lượng tái tạo, Trung Quốc đã chi rất nhiều tài chính cho việc tài trợ các dự án phát triển ngành năng lượng tái tạo quốc gia, sản xuất tuabin gió, tấm pin năng lượng mặt trời, xe chạy điện,... và hiệu quả của chính sách này vẫn còn là một dấu hỏi lớn.

2.3.3. Kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện công tác đảm bảo an ninh năng lượng

Quốc hội Đức đã thông qua đạo luật đóng cửa dần các nhà máy điện hạt nhân, ban hành các chính sách phát triển năng lượng sạch, xây dựng lại hệ thống cung cấp năng lượng để đảm bảo nguồn cung mà không phụ thuộc vào điện sản xuất từ than đá. Hiện tại, Đức cũng đã đóng cửa một số cơ sở trong tổng số 17 nhà máy điện hạt nhân trên toàn liên bang.

Chính sách năng lượng tái tạo của chính phủ Đức đặt ra các mục tiêu tham vọng

trung hạn và dài hạn về giảm mức tiêu thụ năng lượng 20% vào năm 2020 so với mức tiêu thụ thiết yếu năm 2008 và ít nhất 50% vào năm 2050; tỷ lệ năng lượng tái tạo chiếm 18% mức tiêu thụ năng lượng vào năm 2020 và ít nhất 80% điện năng tiêu thụ trong năm 2050; tiết kiệm hơn 20% năng lượng các hoạt động làm ấm, sưởi vào năm 2020, giảm 80% tiêu thụ năng lượng sơ cấp đến năm 2050, xây dựng tòa nhà thân thiện với khí hậu và tăng gấp đôi tốc độ hiện đại hóa năng lượng lên 2% mỗi năm; tăng sản xuất năng lượng bình quân 2,1% tới năm 2050 (Martin, 2010).

2.3.4. Các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Thứ nhất, đối với vấn đề xây dựng chiến lược đảm bảo an ninh năng lượng điện. Ở những quốc gia có ngành công nghiệp sản xuất và tiêu thụ điện phát triển như Đức, Úc, Hoa Kỳ, để đảm bảo ANNLĐ quốc gia, Chính phủ các nước trên luôn xác định mục tiêu xây dựng một chiến lược đảm bảo ANNLĐ với các mục tiêu cụ thể, phù hợp với điều kiện trong nước, có tính định hướng lâu dài. Chiến lược đảm bảo ANNLĐ quốc gia được xây dựng đồng bộ với các chiến lược phát triển kinh tế xã hội khác của đất nước.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp

Phương này được sử dụng nhằm thu thập các tài liệu và dữ liệu thứ cấp liên quan tới ANNL; ANNLĐ; quản lý nhà nước về ANNL nói chung và ANNLĐ nói riêng. Việc tổng quan các tài liệu thứ cấp giúp nghiên cứu làm rõ nội hàm ANNL, ANNLĐ, cũng như các yếu tố có thể gây ảnh hưởng ANNLĐ. Các tài liệu được thu thập từ các nghiên cứu được công bố trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế, nghiên cứu và báo cáo của các cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế, và các sách tham khảo về ANNL và ANNLĐ.

3.2. Phương pháp chuyên gia

Phương pháp phỏng vấn chuyên gia có thể được định nghĩa là một kỹ thuật nghiên cứu định tính, bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn cá nhân chuyên sâu với một số ít người được hỏi để xác định cụ thể tiêu chí đánh giá công tác QLNN về ANNLĐ của Việt Nam.

3.3. Phương pháp Delphi

Kỹ thuật Delphi là quá trình khảo sát lặp đi lặp lại, là phương pháp định tính, gồm các bước: Bước 1: Xây dựng cơ sở lý luận và xác định các nhóm đối tượng có liên quan đến

việc xác định các tiêu chí phục vụ việc nghiên cứu QLNN về ANNLĐ tại Việt Nam; Bước 2: Lựa chọn các chuyên gia tham gia vào cuộc điều tra Delphi. Số lượng các chuyên gia 25 người; Bước 3: Xây dựng bảng câu hỏi mở, kiểm tra và chỉnh sửa lại hoàn chỉnh; Bước 4: Bảng câu hỏi mở chính thức cho vòng 1 được gửi đến các chuyên gia; Bước 5: Vòng 1 phân tích, tổng hợp lại thành một báo cáo tóm tắt, xây dựng bảng câu hỏi cho vòng 2; Bước 6: Câu hỏi vòng 2 cùng báo cáo tóm tắt kết quả vòng 1 được gửi trở lại đến các chuyên gia; Bước 7: Vòng 2 phân tích dữ liệu, tính điểm số trung bình, độ lệch chuẩn, thực hiện phân tích thống kê để đánh giá mức độ đồng thuận của các chuyên gia (hệ số Kendall); Bước 8: Tóm tắt kết quả từ cuộc điều tra Delphi.

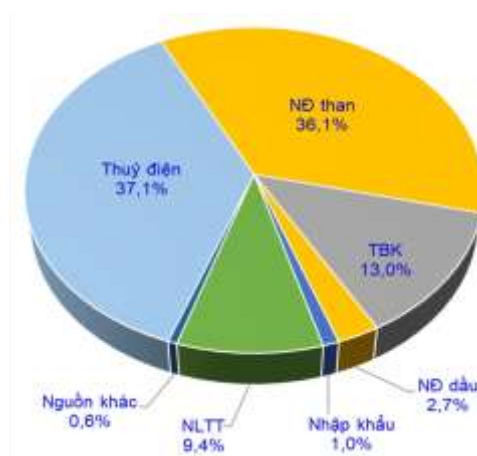
CHƯƠNG 4 THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN NINH NĂNG LƯỢNG ĐIỆN TẠI VIỆT NAM

4.1. Thực trạng phát triển năng lượng điện tại Việt Nam

4.1.1. Bối cảnh trong nước ảnh hưởng đến an ninh năng lượng điện ở Việt Nam

Tiếp cận điện ở Việt Nam đã được cải thiện rất nhiều trong những thập kỷ gần đây, đạt đến 98,8% dân số vào năm 2016. Việt Nam gần đây đã chuyển từ một nước xuất khẩu năng lượng sang một nước nhập khẩu năng lượng vì nhu cầu về năng lượng ngày càng tăng, nguồn cung điện trong nước không đáp ứng đủ. Nhu cầu này sẽ tiếp tục tăng khi năng lực công nghiệp của đất nước tăng trưởng và phát triển hơn nữa.

Phân tích nguồn sản xuất điện của Việt Nam đến cuối năm 2019 cho thấy hơn 41% nguồn điện là từ nhiệt điện, 37,1% là từ thủy điện, 13% từ nhiệt điện khí. Tỷ lệ nhập khẩu điện chiếm rất ít, khoảng 1%.



Hình 4.1: Phân bổ nguồn cung điện quốc gia 2019

Nguồn: Tập đoàn điện lực Việt Nam EVN

4.1.2. Thực trạng phát triển năng lượng điện tại Việt Nam

Ngày nay, năng lượng thế giới đã chuyển từ việc tập trung khai thác và sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang năng lượng tái tạo tuy nhiên Việt Nam đang có những bước đi trái chiều, thể hiện ở việc Quy hoạch Điện VII đặt mục tiêu gia tăng tỷ trọng của nhiệt điện than lên hơn 50% vào năm 2030 (Tập đoàn Điện lực Việt Nam, 2016). Theo đó, Việt Nam sẽ phải nhập khẩu 46,7 triệu tấn than mỗi năm từ năm 2020 và 157 triệu tấn mỗi năm từ năm 2030 do than nội địa không đủ. Tuy nhiên, việc nhập khẩu than với số lượng lớn theo hợp đồng dài hạn là vấn đề không hề đơn giản hiện nay, chưa kể tới sự phụ thuộc vào biến động giá trên thị trường quốc tế.

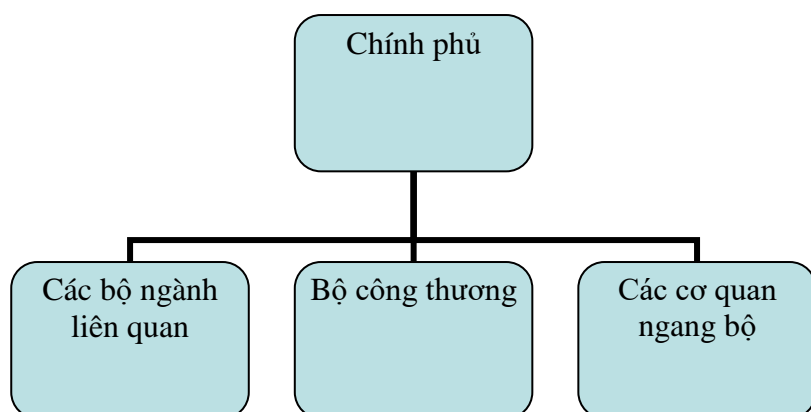
Theo báo cáo của World Bank 2018, do nhu cầu sử dụng điện cho phát triển kinh tế tăng lên nhanh chóng. Tính từ năm 2000 trở lại đây, tốc độ tăng trưởng hàng năm đều trên hai con số và theo khảo sát của WB thì cứ sau chu kỳ mỗi sáu năm thì nhu cầu tiêu thụ điện lại tăng gấp đôi. Mặc dù có một số dự báo đưa ra nhu cầu tiêu thụ đến năm 2030 có sự sụt giảm đáng kể, tuy nhiên vẫn sẽ duy trì gần 10% mỗi năm, và chu kỳ tăng gấp đôi trong vòng 9 năm.

4.2. Bộ máy quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện tại Việt Nam

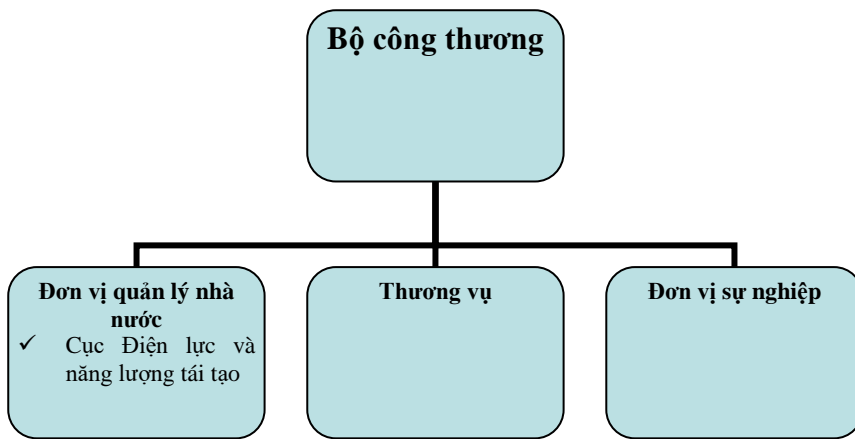
4.2.1. Bộ máy quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện cấp trung ương

4.2.1.1. Cơ quan quản lý trực tiếp

Hiện nay, do sự phân công về công tác quản lý của chính phủ, Bộ công thương được chính phủ giao cho nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành điện nói chung và quản lý về ANNLĐ tại trung ương nói riêng. Tại Bộ công thương, đơn vị trực tiếp quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện là Cục Điện lực và năng lượng tái tạo.



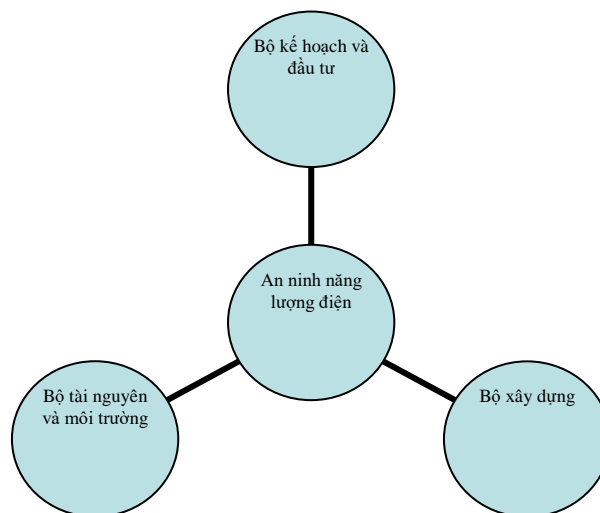
Cơ quan cấp bộ quản lý trực tiếp:



Hình 4.4: Bộ máy quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện cấp trung ương

Nguồn: tác giả tổng hợp

4.2.1.2. Các cơ quan quản lý gián tiếp



Hình 4.5: Bộ máy quản lý nhà nước gián tiếp về an ninh năng lượng điện cấp trung ương

Nguồn: tác giả tổng hợp

4.3. Thực trạng quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện tại Việt Nam

4.3.1. Xây dựng chiến lược đảm bảo an ninh năng lượng điện

4.3.1.1. Chiến lược đảm bảo an ninh năng lượng điện quốc gia

Quy hoạch phát triển điện lực Việt Nam VII, điều chỉnh lập một danh sách các nguồn điện dự kiến phát triển trong giai đoạn đến năm 2030, được Thủ tướng phê duyệt vào tháng 3/2016. Tuy nhiên, đến đầu năm 2019, đã có nhiều thay đổi trong bối cảnh năng lượng và quan điểm của Chính phủ Việt Nam về phát triển hệ thống điện trong giai đoạn tới. Cũng theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, ước tính hết năm 2020 sản lượng nguồn cung điện đạt khoảng 235-245 tỷ kWh, đến năm 2025 dự kiến khoảng 352-379 và đạt mức rất cao vào

năm 2030 với sản lượng khoảng 506-559 tỷ kWh. Tốc độ tiêu dùng điện ước tính cho giai đoạn 2020-2025 rơi vào khoảng 8.42%, giai đoạn 2025-2030 là 7.53%.

4.3.1.2. Xây dựng và ban hành pháp luật về an ninh năng lượng điện

Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, là cơ quan chịu trách nhiệm xây dựng và ban hành pháp luật về an ninh năng lượng điện, Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung bởi: (1). Luật số 24/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013; (2). Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

4.3.1.3. Kế hoạch đảm bảo an ninh năng lượng điện tại các địa phương

Dựa trên kế hoạch bảo đảm an ninh điện quốc gia, các địa phương sẽ căn cứ tình hình cụ thể của từng vùng và mục tiêu phát triển của mình để xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh điện cho địa bàn tỉnh mình. Các địa phương sẽ rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật của địa phương về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả nhằm đảm bảo ANNLD tại địa phương mình; nghiên cứu xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

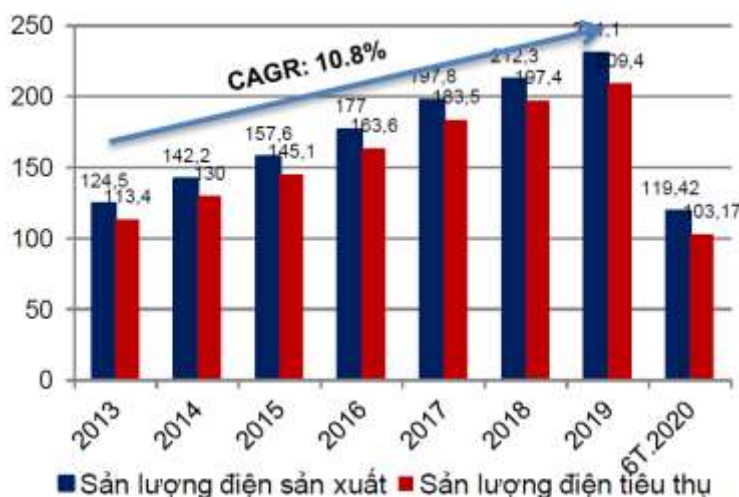
4.3.2. Xây dựng chính sách an ninh năng lượng điện

Nhằm đảm bảo an ninh năng lượng điện, Đảng và nhà nước đã ban hành một số chính sách nhằm bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng điện quốc gia; cung cấp điện đầy đủ và ổn định, có chất lượng cao với giá cả hợp lý cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống của nhân dân, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Ngành năng lượng điện phải phát triển hài hòa giữa các phân ngành với hạ tầng đồng bộ và thông minh, đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN. Xây dựng thị trường điện cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng tái tạo trong quá trình sản xuất điện; triệt để sử dụng điện một cách tiết kiệm và hiệu quả. Chủ động sản xuất được một số thiết bị chính trong các phân ngành năng lượng; nâng cấp, xây dựng lưới điện truyền tải, phân phối điện tiên tiến, hiện đại.

4.3.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo an ninh năng lượng điện

4.3.3.1. Thực hiện kế hoạch đảm bảo an ninh năng lượng điện cấp quốc gia

Trong giai đoạn từ 2013 đến nay, tổng sản lượng điện hàng năm của Việt Nam đều tăng trưởng, với mức tăng trung bình của giai đoạn 2013-2019 là 10.8%. Lực đẩy cho tăng trưởng của ngành điện phụ thuộc chủ yếu vào tốc độ tăng trưởng của thị trường bất động sản với việc rất nhiều dự án nhà ở và thương mại được triển khai trong giai đoạn này. Tốc độ tăng trưởng sản lượng điện giai đoạn vừa qua phản ánh chính sách thúc đẩy phát triển các dự án xây dựng và vận hành các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ tại các địa phương.



Hình 4.8: Sản lượng điện sản xuất và sản lượng điện tiêu thụ

Nguồn EVN, PSI

4.3.3.2. Thực hiện kế hoạch đảm bảo an ninh năng lượng điện tại địa phương

Căn cứ theo chiến lược phát triển điện nhằm đảm bảo an ninh năng lượng điện tại các địa phương, các tỉnh sẽ triển khai hoạt động thu hút đầu tư vào các dự án điện phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tiễn tại địa phương mình. Tuy nhiên, các dự án này phải nằm trong khuôn khổ các dự án đã được phê duyệt của chính phủ, do đặc thù ngành điện là một trong những ngành vẫn chịu sự điều tiết của chính phủ trung ương.

4.3.4. Kiểm tra, giám sát đảm bảo an ninh năng lượng điện

4.3.4.1. Hoạt động kiểm tra nhằm đảm bảo an ninh điện

Hoạt động thanh kiểm tra đối với ngành điện được triển khai thường xuyên và sẽ do Thủ tướng Chính phủ giao Thanh tra Chính phủ chủ trì phối hợp với các bộ ban ngành liên quan. Gần đây nhất, Quyết định số 390/QĐ-TTCP của Thanh tra Chính phủ được ban hành căn cứ vào Văn bản số 3636/VPCP-V.I ngày 3/5/2019 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ giao Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công thương và các cơ quan liên quan kiểm tra việc điều chỉnh mức giá bán điện, phương pháp tính giá và việc thu tiền thời gian qua.

4.3.4.2. Hoạt động giám sát quá trình đảm bảo an ninh điện

Công tác giám sát quá trình đảm bảo an ninh điện tại Việt Nam là tổng thể những hoạt động của cơ quan QLNN nhằm kịp thời phát hiện và xử lý những sai sót, ách tắc, đổ vỡ, những khó khăn, vướng mắc cũng như những cơ hội phát triển ngành điện nhằm đảm bảo cho hoạt động sản xuất và kinh doanh điện tuân theo đúng các định hướng, mục tiêu phát triển an ninh năng lượng điện đã được nhà nước đề ra.

4.4. Tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện tại Việt Nam

4.4.1. Kết quả Delphi vòng 1

Sau khi thu thập các số liệu khảo sát từ phía 25 chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học có chuyên môn trong lĩnh vực năng lượng điện, tiến hành lọc và nhập dữ liệu của 105 biến quan sát vào phần mềm Excel bao gồm: Chiến lược phát triển năng lượng điện (30 biến quan sát); Chính sách đảm bảo an ninh năng lượng (28 biến quan sát); Thực hiện công tác đảm bảo an ninh năng lượng điện (18 biến quan sát); Quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện (29 biến quan sát). Phân tích các giá trị: Trung bình; độ lệch chuẩn; sai số chuẩn; giá trị lớn nhất; giá trị nhỏ nhất; tứ phân vị bằng phần mềm SPSS. Đồng thời xử lý các dữ liệu bị lỗi, không hợp quy cách. Tiến hành loại các biến quan sát xấu có giá trị trung bình nhỏ hơn 5. Từ đó điều chỉnh bảng hỏi tiếp tục thực hiện Delphi vòng 2.

4.4.2. Kết quả Delphi vòng 2 và 3

Trong vòng 2 của kỹ thuật Delphi, bảng hỏi đóng được xây dựng dựa trên các kết quả của vòng 1 trên nguyên tắc sử dụng các đáp án có điểm số trung bình lớn hơn 5. Tại vòng 2 Delphi, tác giả cũng tiến hành lấy ý kiến của 25 chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học, sau đó tiến hành lọc dữ liệu vào file excel. Theo đó: 24 phiếu hợp lệ, 1 phiếu trống. Các chỉ số như chỉ số phương sai, độ lệch chuẩn, giá trị trung bình, tứ phân vị cũng được tính toán trong vòng này. Đây là cơ sở để tính toán chỉ số Kendall's W cho toàn bộ phiếu hỏi tại vòng 2 Delphi.

Bảng 4.9: Giá trị chỉ số Kendall's W

n	Kendall's W	P	Mức độ đồng thuận	Mức độ tin tưởng
24	0.862	<0.001	Rất cao	Rất cao

(Nguồn: Tính toán bằng phần mềm SPSS 22)

Nhìn vào bảng 4.9 ta thấy, giá trị Kendall's W = 0.862 thoả mãn điều kiện cần và đủ ban đầu. Mức độ đồng thuận và mức độ tin tưởng cao. Vì vậy, tiến hành dừng lại khảo sát ở vòng 2.

Bảng 4.10: Hệ số Friedman's và Kendall's W qua các vòng

Câu hỏi	Số chuyên gia	Friedman's (X2r)	Kendall's (W)	df	Asymp. Sig.
Round 1					
C1 - 30: Các tiêu chí về chiến lược phát triển năng lượng điện	25	51.699	0.074	29	0.006
C31 - 58: Các tiêu chí chính về chính sách đảm bảo an ninh năng lượng	25	46.08	0.071	27	0.012
C59 - 76: Các tiêu chí chính về việc thực hiện công tác đảm bảo an ninh năng lượng	25	44.785	0.105	17	0
C77 - 105: Các tiêu chí quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện	25	66.785	0.114	28	0
Round 2					
C1 - 20: Các tiêu chí về chiến lược phát triển năng lượng điện	24	332.201	0.729	19	0
C21 - 42: Các tiêu chí chính về chính sách đảm bảo an ninh năng lượng	24	383.050	0.760	21	0
C43 - 57: Các tiêu chí chính về việc thực hiện công tác đảm bảo an ninh năng lượng	24	240.773	0.717	14	0
C58 - 81: Các tiêu chí quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện	24	430.583	0.780	23	0

Nguồn: Số liệu tác giả chạy phần mềm SPSS 22

4.4.3. Xác định các tiêu chí chính đánh giá công tác quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện tại Việt Nam

Sau khi xử lý dữ liệu qua các vòng. Từ 100 biến còn lại 81 biến thoả mãn yêu cầu điều kiện ban đầu. Tác giả xây dựng được bộ tiêu chí chính đánh giá công tác quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện tại Việt Nam, gồm các tiêu chí chính sau: (1) Các tiêu chí chính về chiến lược phát triển năng lượng điện: 20 tiêu chí; (2) Các tiêu chí chính về chính sách đảm bảo an ninh năng lượng: 22 tiêu chí; Các tiêu chí chính về thực hiện công tác đảm bảo an ninh năng lượng điện: 15 tiêu chí; (4) Các tiêu chí quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện: 24 tiêu chí.

CHƯƠNG 5

BỐI CẢNH VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN NINH NĂNG LƯỢNG ĐIỆN TẠI VIỆT NAM

5.1. Xu hướng phát triển năng lượng điện thời gian tới

5.1.1. Xu hướng phát triển năng lượng điện trên thế giới

Hiện tại, xu hướng đảm bảo an ninh năng lượng điện của thế giới vẫn chưa được định hình rõ ràng trong tương lai gần do ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19 khi cả thế giới đang vật lộn trong việc tìm kiếm vắc-xin và xây dựng các kịch bản hồi phục kinh tế. Trong Báo cáo Triển vọng Năng lượng Thế giới 2020 của IEA, Kịch bản Chính sách cụ thể (STEPS) giả định sự phục hồi ổn định đối với hoạt động kinh tế và kết hợp đánh giá về các tham vọng và mục tiêu chính sách đã thực hiện hoặc đã được công bố của các nước trên toàn thế giới, bao gồm khoảng 166 quốc gia có chính sách mở rộng sử dụng năng lượng tái tạo có điện (REN21, 2020). Kịch bản Phát triển Bền vững (SDS) thúc đẩy quá trình chuyển đổi năng lượng sạch sẽ tăng mạnh và các yêu cầu về công nghệ để đạt được các mục tiêu về khí hậu, môi trường sạch và khả năng tiếp cận năng lượng.

5.1.2. Triển vọng phát triển năng lượng điện của Việt Nam trong thời gian tới

Trong thời gian tới, nhu cầu về điện của Việt Nam sẽ bùng nổ do một số yếu tố như: sự gia tăng về dân số đặc biệt là dân cư thành thị; tốc độ đô thị hóa tăng nhanh; các dự án nhà ở và chung cư mọc lên như nấm. Với nhu cầu về điện hàng năm rất lớn nên trong ngắn hạn khả năng thiếu hụt nguồn cung ứng điện của nước ta là tương đối lớn, ngoài ra do chưa phát triển thị trường điện cạnh tranh nên về cơ bản giá điện tại Việt Nam sẽ chưa thể cải thiện trong tương lai gần.

5.2. Quan điểm hoàn thiện quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện tại Việt Nam

5.2.1. Xây dựng chính sách thị trường năng lượng điện cạnh tranh, minh bạch, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội nước ta

Trong trung hạn và dài hạn, để đảm bảo an ninh năng lượng điện nói chung và an ninh nguồn cung điện nói riêng, nhà nước cần phải đồng bộ các yếu tố thị trường cạnh tranh và minh bạch đối với ngành điện, việc khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia vào lĩnh vực sản xuất điện sẽ giúp cho thị trường điện Việt Nam phát triển một cách toàn diện. Nhà nước cần thay đổi chính sách hỗ trợ đối với các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh trong ngành điện.

5.2.2. Chiến lược phát triển ngành điện bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu

Cùng với Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được ban hành năm 2010, Nghị quyết 55/NQ/TW ngày 11/02/2020 về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 7/5/2020 về tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025 và các văn bản liên quan khác, sự ra đời và triển khai Chương trình cho thấy tầm nhìn chiến lược và chính sách nhất quán của Đảng, Nhà nước và Chính phủ Việt Nam tới lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

5.2.3. Kế hoạch phát triển hệ thống hạ tầng năng lượng điện đồng bộ, hiện đại, khả năng kết nối khu vực và quốc tế được nâng cao

Việc xây dựng lưới điện thông minh Việt Nam bao gồm 03 đề án thành phần: (1) Nghiên cứu phát triển hệ thống SCADA, (2) Nghiên cứu mô hình tổ chức các Trung tâm điều khiển đóng cắt thiết bị từ xa cho lưới điện của Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia và các Tổng công ty Điện lực, (3) Nghiên cứu phát triển công tơ điện tử và hệ thống thu thập số liệu đo đếm từ xa. Với việc các cơ quan QLNN về an ninh năng lượng điện thực hiện tốt 03 đề án nói trên sẽ giúp hoạt động đảm bảo an ninh điện tại Việt Nam đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của về năng lượng điện cho nền kinh tế.

5.2.4. Chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trình độ khoa học - công nghệ và năng lực quản trị ngành điện

EVN đã bước đầu sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của các đơn vị theo từng cấp quản lý, triển khai chương trình chuẩn hóa chức danh đối với các vị trí lãnh đạo tại đơn vị, cán bộ chuyên môn - nghiệp vụ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật. EVN cũng đã thực hiện công tác rà soát và tinh giảm nhân sự tại các đơn vị sản xuất trực tiếp phù hợp với yêu cầu nâng cao trình độ khoa học công nghệ và trình độ quản lý, nhằm mục đích nâng cao hiệu suất lao động, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị.

5.3. Một số giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện ở Việt Nam

5.3.1. Hoàn thiện chiến lược đảm bảo an ninh năng lượng điện quốc gia

Hiện nay, chiến lược đảm bảo an ninh năng lượng điện quốc gia chủ yếu tập trung vào bên cung, với việc nhà nước tập trung đưa ra các chính sách và chiến lược nhằm đảm bảo nguồn cung điện cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhưng chưa gắn liền với điều kiện của bên cầu. Do vậy, chúng ta đang phải vận hành một nền kinh tế tiêu tốn rất nhiều điện cho sản xuất cũng như tiêu dùng, hệ quả là hiệu quả kinh tế của an ninh

năng lượng điện ở Việt Nam là chưa cao, các chiến lược phát triển năng lượng điện tái tạo chưa có tính khả thi cao.

5.3.2. Hoàn thiện chính sách đảm bảo an ninh năng lượng điện

Trong điều kiện của Việt Nam hiện nay, quy trình hoạch định và thực thi chính sách quản lý kinh tế cần được cải cách một bước để tạo nền tảng cho tăng trưởng lâu dài. Về mặt nguyên tắc, cần hình thành ba chủ thể có khả năng giúp cải cách thể chế trở thành hiện thực, bao gồm: (i) bộ máy lãnh đạo mạnh mẽ và sáng suốt, (ii) một nhóm hoạch định chính sách kỹ trị mạnh đi liền với một Hội đồng cạnh tranh quốc gia hữu hiệu, và (iii) phối hợp với các đối tác chiến lược nước ngoài có thiện chí và xây dựng. Quá trình thay đổi này cần đi liền với sự cải cách hệ thống

Về mặt chính sách, Việt Nam cần rà soát và lựa chọn sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển ngành điện trước những thay đổi toàn cầu diễn ra với tốc độ ngày càng nhanh. Tư duy thúc đẩy tăng trưởng dựa vào các nguồn lực truyền thống như tăng sản lượng khai thác tài nguyên thiên nhiên là không còn phù hợp mà cần phải đẩy mạnh nguồn lực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, một nguồn lực cho phép tạo ra một không gian lớn cho phát triển.

5.3.3. Hoàn thiện pháp luật về đảm bảo an ninh năng lượng điện

Với vai trò là kim chỉ nang hướng dẫn công tác đảm bảo an ninh năng lượng điện, các văn bản pháp luật liên quan đến cung ứng điện cần phải được hoàn thiện cho phù hợp với thực tế phát triển ngành điện, ví dụ như thẩm quyền ký duyệt quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt đầu tư các dự án nhóm A có tổng mức đầu tư dưới 5.000 tỷ đồng sử dụng vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước xây dựng trên địa bàn nhiều địa phương; về thẩm quyền của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước trong phê duyệt, quyết định dự án đầu tư của doanh nghiệp; về điều kiện đặc thù, riêng biệt và quy định về công trình đặc thù trong các luật; khó khăn trong việc bổ sung quy hoạch để thực hiện đầu tư, xây dựng các dự án công nghiệp điện mới nhằm đáp ứng nhu cầu đảm bảo cung cấp điện; thiếu quy định trong luật về cơ chế hỗ trợ liên quan đến tài chính, bảo lãnh Chính phủ; sự trung lập trong việc xem xét bổ sung quy hoạch và xem xét quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, các dự án quan trọng quốc gia; vướng mắc trong việc lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; vướng mắc trong việc chuyển đổi đất rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14

5.3.4. Hoàn thiện tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo an ninh năng lượng điện

Nâng cao tính phối hợp của các địa phương trong công tác triển khai các dự án điện một cách đồng bộ, hạn chế tối đa việc thay đổi kế hoạch đảm bảo an ninh năng lượng điện tại các địa phương.

Nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước trong quá trình đầu tư và xây dựng các công trình ngành điện; tạo thêm nhiều cơ chế đặc thù cho ngành điện, đặc biệt là đối với một số dự án cấp bách nhằm đảm bảo an ninh năng lượng điện, đẩy mạnh việc cải cách thủ tục quy trình triển khai các dự án nhằm tránh kéo dài các dự án một cách lãng phí.

5.3.5. Hoàn thiện hoạt động thanh tra, kiểm tra về công tác đảm bảo an ninh năng lượng điện

Hoạt động thanh kiểm tra trong ngành điện có mục đích duy trì một hệ thống sản xuất và kinh doanh điện ổn định và an toàn trong dài hạn, đồng thời ngăn ngừa/hấp thụ được các nguy cơ khủng hoảng hay cú sốc trong ngắn hạn.

5.3.6. Hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện

Trong thực tế, chúng ta thấy bộ máy quản lý nhà nước về ngành điện nói chung và về an ninh năng lượng điện nói riêng chủ yếu dựa trên nguyên tắc đồng thuận của tập thể lãnh đạo từ cấp trung ương, bộ ban ngành, các địa phương và các tập đoàn nhà nước. Có thể thấy, ở cấp trung ương việc đưa ra các chiến lược về ngành điện sẽ do Đảng và Chính phủ ban hành, tuy nhiên việc Đảng và Chính phủ tương tác với nhau theo một quy trình tương đối phức tạp nếu so với các hệ thống ra chính sách ở các nước đang phát triển có thu nhập trung bình và cao. Một hệ thống như vậy có thể tạo nên một sự ổn định, thông suốt tuy nhiên để phản ứng nhanh trước những thay đổi của ngành điện thế giới thì vẫn còn một số hạn chế.

5.3.7. Cải thiện chất lượng các dự án đầu tư nguồn điện

Hiện tại ở Việt Nam, chất lượng đầu tư công không đạt được như kỳ vọng của chính phủ và người dân, các yêu cầu mở rộng đầu tư nói chung và đầu tư vào ngành điện nói riêng ngày càng nhanh. Điều này nếu không được kiểm soát tốt sẽ gây ra tình trạng lãng phí nguồn lực và bất bình đẳng đối với các doanh nghiệp trong cùng ngành. Sự mất cân đối này sẽ tạo thành rào cản cho những dự án tốt được triển khai một cách nhanh chóng và hiệu quả.

5.3.8. Tiết kiệm, sử dụng năng lượng điện hiệu quả và phát triển năng lượng tái tạo trong sản xuất điện

Tiết kiệm và sử dụng năng lượng điện một cách hiệu quả là giải pháp ưu tiên hàng đầu và phải thực hiện trong thời gian dài lâu dành cho nước ta hiện nay. Năng lượng điện tiêu hao cho một đơn vị sản phẩm công nghiệp của nước ta cao hơn nhiều so với các nước

phát triển, làm tăng giá thành sản phẩm, giảm sức cạnh tranh của nền kinh tế. Hiệu suất sử dụng năng lượng của nước ta thấp hơn nhiều không chỉ so với các nước phát triển, mà so cả với những nước trong khu vực, hoàn thiện khung pháp lý về năng lượng tái tạo.

5.3.9. Đảm bảo nguồn cung nguyên liệu đầu vào cho ngành điện

Hiện nay, tăng trưởng ngành điện nước ta đang theo chiều rộng với đặc trưng cơ bản là tăng quy mô sản xuất hay sản lượng đầu ra nhờ vào tăng trưởng quy mô các yếu tố đầu vào là tài nguyên thiên nhiên. Hạn chế phụ thuộc vào việc nhập khẩu các nguyên liệu đầu vào mà trước kia chúng ta có lợi thế là quốc gia xuất khẩu, hay dễ bị tổn thương khi giá nguyên liệu tăng, hoặc khi giá phụ tùng máy móc trở nên khan hiếm và đắt đỏ hơn.

5.3.10. Xây dựng thị trường điện cạnh tranh

Việt Nam cần kiên định trong việc xây dựng một thị trường kinh doanh điện công khai, minh bạch và có sự tham gia của các bên liên quan trong việc ra quyết định điều chỉnh giá điện. Việc xây dựng thị trường điện cạnh ở Việt Nam đòi hỏi một nỗ lực lâu dài liên quan đến các quan hệ nền tảng của nền kinh tế thị trường, liên quan đến cơ cấu và phân bổ thị trường. Ngoài ra, cần có sự phát triển mạnh mẽ khu vực doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong việc đầu tư vào các dự án nguồn điện.

5.3.11. Nâng cao năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong ngành điện

Để đạt được mục tiêu này, Việt Nam cần phải thoát khỏi việc phát triển ngành điện dựa vào thâm dụng lao động giá rẻ và thâm dụng tài nguyên thiên nhiên mà phải nhanh chóng chuyển hướng chiến lược sang tăng cường năng suất yếu tố tổng hợp thông qua ứng dụng các sản phẩm khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, từ đó tạo nền tảng chuyển đổi ngành điện sang hệ thống điện thông minh trong tương lai.

5.3.12. Đa dạng hóa các kênh huy động vốn cho các dự án điện

Ngoài nguồn vốn đầu tư công cho các dự án nguồn điện của các doanh nghiệp nhà nước, cũng như nguồn vốn ODA của một số quốc gia truyền thống, ngành điện Việt Nam cần phải đa dạng các kênh huy động vốn nhằm tránh hiện tượng phụ thuộc quá nhiều vào một nguồn duy nhất dễ gây ra hiện tượng chậm giải ngân, lãng phí nguồn lực, đầu tư không hiệu quả,...

KẾT LUẬN CHUNG

Nội dung về ANNLD cũng như lĩnh vực QLNN về ANNLD hiện tại còn khá mới mẻ ở Việt Nam do đó chưa có nhiều nghiên cứu cả về mặt học thuật và thực tiễn trong lĩnh vực này. Thông qua quá trình nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn công tác QLNN về ANNLD sẽ giúp hoàn thiện công tác QLNN về ANNLD, làm cơ sở cho các hoạt động

QLNN về ANNLĐ. Vì vậy, luận án: “Quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện tại Việt Nam” đã phần nào giải quyết được những vấn đề về mặt lý luận và thực tiễn trong công tác QLNN về ANNLĐ. Trên cơ sở đó, luận án đạt được một số kết quả sau:

Đầu tiên, luận án đã hệ thống hoá được những vấn đề cơ bản của QLNN về ANNLĐ như khái niệm, chức năng, bộ máy, nội dung QLNN về ANNLĐ; đây là những vấn đề khoa học mà chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập tới. Tiếp theo, luận án cũng đã tổng hợp được một số kinh nghiệm liên quan đến QLNN về ANNLĐ của một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới, từ đó luận án đã đưa ra một số bài học kinh nghiệm trong QLNN về ANNLĐ hữu ích và phù hợp điều kiện nước ta. Bên cạnh đó, thông qua việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học có độ tin cậy cao đã giúp luận án đưa ra được thực trạng QLNN về ANNLĐ tại Việt Nam trong giai đoạn 2015-2020. Luận án đã xác định được các tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện tại Việt Nam, thông qua các tiêu chí này, để từ đó nêu rõ những vấn đề tồn tại của QLNN về ANNLĐ. Thứ tư, luận án đã đề xuất được một số giải pháp, kiến nghị với cơ quan QLNN, bao gồm: (i) Hoàn thiện chiến lược đảm bảo an ninh năng lượng điện quốc gia. (ii) Hoàn thiện chính sách đảm bảo an ninh năng lượng điện. (iii) Hoàn thiện pháp luật về đảm bảo an ninh năng lượng điện. (iv) Hoàn thiện tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo an ninh năng lượng điện. (v) Hoàn thiện hoạt động thanh tra, kiểm tra về công tác đảm bảo an ninh năng lượng điện. (vi) Hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện. (vii) Cải thiện chất lượng các dự án đầu tư nguồn điện. (viii) Tiết kiệm, sử dụng năng lượng điện hiệu quả và phát triển năng lượng tái tạo trong sản xuất điện. (ix) Đảm bảo nguồn cung nguyên liệu đầu vào cho ngành điện. (x) Xây dựng thị trường điện cạnh tranh. (xi) Nâng cao năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong ngành điện. (xii) Đa dạng hóa các kênh huy động vốn cho các dự án điện.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ

1. Truc Le Nguyen, Huong Vu Van, Lam Duc Nguyen & Tuyen Quang Tran, *Does Rising Import Competition Harm Vietnam's Local Firm Employment of the 2000s?* Journal Economic Research-Ekonomiska Istraživanja. Volume 30, 2017 - Issue 1 (Tạp chí thuộc danh mục ISI)
2. Nguyễn Trúc Lê, Lưu Quốc Đạt, Nguyễn Đức Lâm, *Ứng dụng mô hình phân tích thứ bậc để xác định mức độ tác động của các nhân tố gây mất an ninh năng lượng tại Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, 2017
3. Nguyễn Trúc Lê, Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Đức Lâm, *Xác định các nhóm nguy cơ gây mất an ninh năng lượng tại Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế & Phát triển, 2018
4. Nguyen Truc Le, Nguyen An Thinh, Nguyen Thi Vinh Ha, Nguyen Dinh Tien, Nguyen Duc Lam, Nguyen Van Hong, Nguyen Tat Tuan, Luc Hens. *Assessing Water Resource Use Efficiency based on the Extended Two-Stage Data Envelopment Analysis (Dong Nai River Basin, Vietnam)*, Springer Conference Proceedings "Economics, Development and Sustainability" (EDESUS 2019).
5. Nguyễn Đức Lâm, Nguyễn An Thịnh, *Nghiên cứu lượng hóa giá trị kinh tế sử dụng nước trên thế giới*, Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, 2019
6. Lưu Quốc Đạt, Nguyễn Thị Phan Thu, Nguyễn Đức Lâm, *Phát triển năng lượng tái tạo tại Đức – một số hàm ý cho Việt Nam*, Sách: Việt Nam và Đức: Phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi toàn cầu. Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà nội (2020).
7. Nguyễn Đức Lâm. *Quản lý nhà nước về an ninh năng lượng điện*, Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, 2020